

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28/11/2018

V/v: Tranh chấp “Xin Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Công Hạnh
2. Bà Lê Thị Thanh Thuận

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa: Ông Trần Văn Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 28/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2018/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/11/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Lê Trường K, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên

- Bị đơn: bà Lê Thị Bích Đ, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên

-Người làm chứng:

1. Bà Võ Thị N, sinh năm: 1949. Địa chỉ: Thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1956. Địa chỉ: P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông K trình bày: ông K và bà Đ tự nguyện tìm hiểu khoảng vài tháng và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND

xã B vào năm 2006. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Ông K làm công nhân công trình, bà Đ ghen nói ông K quan hệ trai gái với người khác. Mặc dù giải thích là không có nhưng bà Đ không nghe, hai bên kinh cãi thì ông K có tức và đánh bà Đ tát tai, rồi bà Đ bỏ nhà đi. Sau đó ông K và mẹ ông K khuyên giải hàn gắn bà Đ cũng không chịu. Ngoài ra phía bà Đ đánh ông K, nên không thể nào về sống chung. Nay hai bên xa nhau đã hơn một năm, tình cảm không còn nên yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung, yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết. Nợ: không có

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như lời khai tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Bích Đ trình bày: Thời gian và quá trình kết hôn giống như ông K trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức nghiêm trọng. Trong thời gian ông K đi làm công trình có quen với người phụ nữ khác nhưng bà nói thì ông K không nghe mà còn đánh bà, nhờ công an xã B can thiệp nhưng không lập biên bản vì lý do ông K không đến để giải quyết. Bà Đ bỏ về nhà cha mẹ ở, ông K có đến nhà mẹ bà Đ 02 lần để khuyên bà Đ về chung sống nhưng ông K nói đem tiền về nhà vì khi đi bà Đ có lấy vàng và 01 con bò đã chi tiêu không còn nên khi nghe ông K nói vậy bà nghĩ cũng không về chung sống được, lâu lâu về nhà thăm con. Thừa nhận anh ruột có đánh ông K nhưng do ông K có lỗi với bà Đ. Hiện nay mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm. Bà Đ đồng ý ly hôn với điều kiện phải chia tài sản chung của vợ chồng.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Quốc C, sinh ngày 29/6/2006. Nếu tòa án giải quyết ly hôn bà yêu cầu được nuôi con và ông K cấp dưỡng nuôi con theo mức quy định của pháp luật.

Về tài sản chung : Yêu cầu tòa án giải quyết tài sản là một ngôi nhà cấp 4 tọa lạc tại thôn P, xã B, thành phố Tuy Hòa, nhưng không đóng tạm ứng án phí chia tài sản chung vì lý do ông K làm đơn ly hôn thì ông K phải đóng.

Nợ: không có

Bà Võ Thị N (mẹ ông K) trình bày: Vợ chồng chung sống cũng hay nói qua nói lại, chủ yếu do Đ ghen bóng ghen gió, hai bên kinh cãi rồi bà Đ bỏ đi. Bà có đến nhà mẹ bà Đ để hàn gắn lại cũng không được.

Bà Nguyễn Thị B (mẹ bà Đ) trình bày: Vợ chồng K có kinh cãi thì Đ về nhà cha mẹ ở, gia đình K có đến nhà hai lần nhưng Đ cũng không về nhà chung sống. Chuyện vợ chồng K tự quyết định chứ bà không có ý kiến gì.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Theo biên bản xác minh tại UBND xã B ngày 20/4/2018 với nội dung: Mâu thuẫn của vợ chồng ông K không báo cáo với chính quyền địa phương, nên địa phương không biết.

Theo biên bản xác minh tại Công an xã B ngày 20/4/2018 với nội dung: công an xã có tiếp nhận đơn của bà Đ về việc ông K đánh bà, ngoại tình với người

đàn bà khác. Công an xã có mời ông K đến làm việc nhưng ông K đi làm ăn xa. Công an xã cũng không lập Biên bản giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Về nội dung: - Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật HNGĐ năm 2014. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông K. Giao cháu C cho ông K nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: không xem xét giải quyết. Về nợ chung không có. Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Trường K và bà Lê Thị Bích Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, mặc dù đã được gia đình hàn gắn nhưng cứ về chung sống lại kinh cãi. Bà Đ nói ông K trai gái ngoại tình nhưng không được thừa nhận, bà Đ cũng không có chứng cứ gì chứng minh ông K ngoại tình. Khi bà Đ bỏ nhà đi thì bà Võ Thị N can ngăn nhưng bà vẫn kiên quyết đi, chứng tỏ bà Đ cũng không muốn níu kéo cuộc hôn nhân này. Xét bà Đ muốn hai vợ chồng đoàn tụ nhưng tại phiên tòa bà Đ trình bày cũng không có biện pháp nào để về chung sống với nhau như vậy thì mục đích hôn nhân giữa ông K và bà Đ không đạt được, tình cảm hai bên đã rạn nứt không thể hàn gắn, nên việc duy trì cuộc hôn nhân này là điều không cần thiết. Hơn nữa tại tòa bà Đ trình bày nếu như ông K chia cho bà tài sản thì bà đồng ý ly hôn, chứng tỏ việc níu kéo của bà Đ không phải xây dựng một gia đình hạnh phúc, bền vững mà là tài sản có được những gì sau khi ly hôn. Nên ông K và bà Đ đã xa nhau từ tháng 5/2017 cho đến nay, mạnh ai nấy sống cũng không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận đơn khởi kiện của ông K.

Về con chung: con Lê Quốc C (con trai), sinh ngày 29/6/2006. Ông K và bà Đ đều yêu cầu được nuôi con. Tuy nhiên, căn cứ vào Điều 81 luật HNGĐ năm 2014 quy định “nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”

Tại lời khai ngày 05/4/2018 và tại phiên tòa thì cháu C có nguyện vọng muốn ở với ông K. Từ ngày hai bên xa nhau ông K là người trực tiếp trông nom chăm sóc con, thỉnh thoảng thì bà Đ mới về thăm con. Hiện nay cháu C đang học tại trường THCS Nguyễn Hữu Thọ đã ổn định. Nên cần giao con cho ông K nuôi

dưỡng chăm sóc giáo dục. Bà Đ được quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông K không yêu cầu nên HĐXX không xét

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết. Bị đơn yêu cầu tòa án giải quyết. Tại phiên tòa ngày 22/5/2018, chị Đ yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung là ngôi nhà cấp 4. HĐXX hoãn phiên tòa. TAND thành phố Tuy Hòa đã triệu tập bị đơn đến tòa trình bày yêu cầu chia tài sản chung. Tại phiên hòa giải ngày 27/7/2018, bà Đ trình bày yêu cầu giải quyết tài sản nhưng không chịu đóng tạm ứng án phí và các chi phí khác theo yêu cầu của Tòa án. Xét thấy ngày 11/9/2018 bà Đ đã nhận Thông báo nộp tạm ứng án phí chia tài sản chung. Ngày 26/10/2018 Tòa án tiếp tục giao thông báo tạm ứng chi phí tố tụng nhưng bà Đ không nhận. Tòa án đã tiến hành niêm yết thủ tục thông báo. Đến nay bà Đ không đóng tạm ứng theo yêu cầu của đương sự. Căn cứ Điều 25 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định “ nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu phản tố thì phải đóng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm trừ trường hợp không phải nộp tạm ứng án phí...” Do đó, Hội đồng xét xử không xét yêu cầu này của bà Đ. Nên cần tách ra để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi bà Đ có yêu cầu.

[4] Về án phí: ông K phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật HNGĐ năm 2014; điểm a khoản 1 điều 35, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Trường K được ly hôn bà Lê Thị Bích Đ.

Về con chung: Giao con chung tên là Lê Quốc C, sinh ngày 29/6/2006 cho ông Lê Trường K được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Bà Lê Thị Bích Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Trường K phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại phiếu thu số AA/2015/0010414 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Người TGT;
- VKSND TP.Tuy Hòa;
- Chi cục THADS. TP.Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hoa Dung